

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 262/2022/HNGĐ-ST
Ngày 27-12-2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Hân

Bà Bùi Thúy Mỡ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ngân- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 396/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N; nơi cư trú: Thôn 3, T, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn L; nơi cư trú: Thôn 3, T, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 04 tháng 11 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn L tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương vào năm 1996 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống chị và anh L hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, căng thẳng nhất là

năm 2021. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thiếu tin tưởng lẫn nhau trong lao động, làm ăn kinh tế dẫn đến cuộc sống chung không thống nhất, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Do mâu thuẫn, chị và anh L đã sống ly thân nhau từ tháng 5 năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn L. Chị và anh Phạm Văn L có 02 con chung tên Phạm Thị Bích, sinh ngày 20/6/1997 và Phạm Văn Việt, sinh ngày 22/7/2000. Hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, chị và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 11 năm 2022 và các lời khai tại Tòa án bị đơn anh Phạm Văn L trình bày:* Anh L thừa nhận lời khai của chị Nguyễn Thị N là đúng. Anh và chị N tổ chức lễ cưới, chung sống với nhau từ năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh L thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Anh và chị N có 02 con chung tên Phạm Thị Bích, sinh ngày 20/6/1997 và Phạm Văn Việt, sinh ngày 22/7/2000. Hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, anh và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn L. Về con chung: Con chung tên Phạm Thị Bích, sinh ngày 20/6/1997 và Phạm Văn Việt, sinh ngày 22/7/2000 đã thành niên và có khả năng lao động. Về tài sản chung, chị N và anh L

không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao sổ hộ khẩu, bản sao căn cước công dân, bản sao giấy khai sinh của con; Bản tự khai; Biên bản lấy lời khai; Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Gia Minh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Văn L đang cư trú tại xã Gia Minh, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn L xác lập năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn là không hợp pháp, vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình và vi phạm điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/QH10 ngày 9 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn L.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn L có 02 con chung tên Phạm Thị Bích, sinh ngày 20/6/1997 và Phạm Văn Việt, sinh ngày 22/7/2000 hiện đều đã thành niên và có khả năng lao động, chị N và anh L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn L tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 06 năm 2000 của Quốc hội;

điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn L.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008303 ngày 07 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Gia Minh, huyện Thủy Nguyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà

